

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120057	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	05/08/2004	CCQ2212B			Trâm Anh			8,5		
2	2122120360	NGUYỄN TIẾN BẢO	27/04/2004	CCQ2212K								
3	2122120118	TRẦN ĐỨC QUỐC THANH BÌNH	20/12/2004	CCQ2212D			Huỳnh			8,0		
4	2122120365	ĐỖ SƯƠNG DIỄU	05/09/2004	CCQ2212K								
5	2121120396	NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN	23/04/2003	CCQ2112L								
6	2121120273	HUỲNH VĂN DƯƠNG	25/09/2003	CCQ2112H								
7	2121120023	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	02/12/2003	CCQ2112A			Đạt			6,5		
8	2121120385	LÊ THỊ DIỆP	23/02/2003	CCQ2112K			Diệp			8,0		
9	2121120180	TRẦN ĐÌNH ĐOÀN	06/01/2003	CCQ2112F			Huỳnh			6,5		
10	2121120195	NGUYỄN THỊ THU HẪ	18/02/2003	CCQ2112F			B			8,0		
11	2121120175	PHAN THỊ UYÊN HẪ	28/08/2003	CCQ2112R			Thi			5,0		
12	2121120070	PHAN THỊ THANH HẪNG	11/06/2003	CCQ2112B			Hàng			6,0		
13	2121120383	NGUYỄN THỊ NGỌC HẪN	26/10/2003	CCQ2112K								
14	2122120005	NGUYỄN THỊ NGỌC HẪN	24/07/2003	CCQ2212A			Hàn			5,5		
15	2122040026	HÀ TRUNG HIẾU	27/12/2004	CCQ2212K								
16	2121120172	LÊ TRỌNG HIẾU	17/05/2003	CCQ2112E			Huỳnh			6,5		
17	2121120007	KIỀU THỊ HÒA	31/03/2003	CCQ2112A			Huỳnh			7,0		
18	2121120368	TRẦN THANH HÙNG	01/02/2003	CCQ2112K			Huỳnh			7,5		
19	2121120067	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	28/08/2003	CCQ2112B			Huỳnh			6,5		
20	2122120387	LÊ HOÀNG ĐĂNG KHOA	05/11/2004	CCQ2212L			Khoa			8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120203	NGÔ TUẤN	13/06/2003	CCQ2112F			<i>Ngô Tuấn</i>			5,0		
22	2121120052	NGUYỄN THÁI AN	17/09/2002	CCQ2112B			<i>Nguyễn Thái An</i>			8,0		
23	2122120381	TRẦN MINH	11/10/2004	CCQ2212L								
24	2121120210	HỒ CẢNH	25/10/2003	CCQ2112F			<i>Hồ Cảnh</i>			6,0		
25	2121120159	HOÀNG NỮ THÚY	09/11/2003	CCQ2112E			<i>Hoàng Nữ Thúy</i>			7,0		
26	2121120015	ĐẶNG THỊ KIM	25/05/2003	CCQ2112A			<i>Đặng Thị Kim</i>			7,0		
27	2121120370	LÊ THỊ THANH	12/01/2003	CCQ2112K			<i>Nguyễn Thanh</i>			7,5		
28	2121120044	NGUYỄN LÊ THÚY	25/10/2003	CCQ2112B			<i>Nguyễn Lê Thúy</i>			6,0		
29	2121120011	PHẠM THỊ THẢO	30/01/2003	CCQ2112A			<i>Phạm Thị Thảo</i>			9,0		
30	2121120040	TRẦN THỊ KIM	16/03/2003	CCQ2112B			<i>Nguyễn Kim</i>			6,5		
31	2122120070	TRẦN NGUYỄN BẢO	13/09/2004	CCQ2212B			<i>Nguyễn Bảo</i>			9,0		
32	2121120069	NGUYỄN THỊ HỒNG	18/10/2003	CCQ2112B			<i>Nguyễn Thị Hồng</i>			7,0		
33	2121120645	TRƯƠNG THỊ HỒNG	03/10/2003	CCQ2112I			<i>Trương Thị Hồng</i>			7,5		
34	2121120242	TRẦN THỊ MỸ	02/02/2003	CCQ2112G								
35	2121120025	VĂN THỊ THU	10/12/2003	CCQ2112A								
36	2122120404	ĐÀO NGUYỄN YẾN	13/11/2004	CCQ2212L								
37	2121120392	NGUYỄN THỊ HUỲNH	09/12/2003	CCQ2112L								
38	2122120004	NGÔ KIM	13/05/2000	CCQ2212A			<i>Ngô Kim</i>			8,5		
39	2122120350	NGUYỄN NGỌC	19/02/2004	CCQ2212K								
40	2121120604	VÕ NHƯ	30/09/2003	CCQ2112R			<i>Võ Như</i>			8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121120519	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	28/03/2003	CCQ21120					8,0		
42	2121120362	LÊ THỊ	THẨM	10/06/2003	CCQ2112K					8,0		
43	2122120292	LÊ HUY	THÔNG	27/02/2004	CCQ2212I							
44	2121120039	VÕ THỊ NGỌC	THU	11/12/2003	CCQ2112B					8,0		
45	2121120057	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	10/12/2003	CCQ2112B					8,0		
46	2122120390	NGUYỄN HIỀN	TRANG	15/10/2004	CCQ2212L					7,5		
47	2122120069	NGUYỄN KIM NGỌC	TRANG	11/01/2004	CCQ2212B					9,0		
48	2121120027	NGUYỄN THỊ BÉ	TRANG	25/12/2002	CCQ2112A					7,5		
49	2121120047	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	03/08/2003	CCQ2112B					7,0		
50	2121120573	NGUYỄN THỊ THU	TRÌNH	25/11/2003	CCQ2112Q					7,5		
51	2121120049	TRẦN THỊ TÚ	TRÌNH	03/06/2003	CCQ2112B					7,0		
52	2121120065	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	29/06/2003	CCQ2112B					9,0		
53	2121120496	TẠ THỊ THANH	TUYẾN	30/12/2003	CCQ21120					8,0		
54	2121120499	LÊ BẢNG TY	TY	07/10/2003	CCQ21120					9,0		
55	2121120206	VÕ KHÁNH	VĂN	12/04/2003	CCQ2112F							
56	2121120642	ĐÀU THỊ THANH	VĂN	02/03/2003	CCQ2112F					7,5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phi	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120550	PHẠM NGUYỄN HOÀNG ANH	06/10/2002	CCQ22120							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121120129	VÕ VĂN BÌNH	19/04/2003	CCQ2112D			Bình			7,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121120098	MAI THỊ QUỲNH	14/04/2003	CCQ2112C							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121120095	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	03/10/2003	CCQ2112C			Duyên			8,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121120123	NGUYỄN THỊ THÚY ĐOAN	13/05/2003	CCQ2112D			Thúy			9,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122120589	ĐÀO NHẬT HẢO	03/01/2004	CCQ2212P							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122120096	DƯƠNG THÚY HẰNG	21/10/2004	CCQ2212C			Hàng			9,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122120127	ĐỖ MINH HẬU	20/09/2004	CCQ2212D			Hậu			7,5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121120128	VÕ NGỌC HÒA	12/01/2003	CCQ2112D			Hòa			9,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122120079	VÕ TUẤN HUY	24/02/2004	CCQ2212C							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122120121	HỒ THỊ DIỄM HƯƠNG	21/07/2004	CCQ2212D			Hương			9,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121120107	NGUYỄN HOÀNG KHUÊ	30/10/2003	CCQ2112D							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121120501	TRẦN ANH KIẾT	04/04/2003	CCQ21120						8,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121120439	LÊ THỊ TIỂU LAM	09/06/2003	CCQ2112M							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121120137	LÊ THỊ MỸ LINH	03/09/2003	CCQ2112D			Linh			7,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121120510	NGUYỄN NGỌC THÀNH LUÂN	11/07/2002	CCQ21120						8,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121120076	NGÔ THỊ MỘNG MƠ	26/01/2003	CCQ2112C			Mơ			8,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121120081	TRẦN HIỀN NGÂN	10/04/2003	CCQ2112C			Hiền			9,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121120140	ĐỖ LAN BẢO NGỌC	16/09/2003	CCQ2112D						7,5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121120099	PHẠM NGUYỄN BÍCH NGỌC	17/06/2003	CCQ2112C			Bích			7,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120119	PHẠM MINH NGUYỄN	10/07/2004	CCQ2212D			Minh			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121120139	PHÙNG THỊ THANH	30/10/2003	CCQ2112D			Thanh			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122120112	PHAN NGỌC THÀNH	25/03/2004	CCQ2212D			Thành			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121120138	VÕ VĂN NHUẬN	14/04/2003	CCQ2112D			Nhận				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121120074	NGUYỄN THỊ KIỀU	07/11/2003	CCQ2112C							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122120087	PHAN THỊ MỸ	09/01/2004	CCQ2212C			Phạm			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121120279	VÕÔNG MINH	02/01/2003	CCQ2112H			Minh			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121120083	NGUYỄN MẠNH	24/12/2003	CCQ2112C			Minh			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121120080	TRẦN THỊ KIM	16/11/2003	CCQ2112C							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121120096	NGUYỄN THỊ NHƯ	26/11/2003	CCQ2112C			Như			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121120644	NGUYỄN THANH	24/10/2003	CCQ2112H			Thanh			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121120127	TRẦN THỊ THU	25/07/2003	CCQ2112D			Thu			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121120131	NGUYỄN THỊ TUYẾT	21/02/2003	CCQ2112D			Tuyết			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121120094	NGÔ HOÀI	20/12/2003	CCQ2112C			Hoài			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122120115	PHẠM QUỲNH	12/07/2004	CCQ2212D			Quỳnh			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121120102	TRƯƠNG ĐÌNH GIA	16/02/2003	CCQ2112C			Tiến			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122120089	TRƯƠNG BẢO	14/04/2004	CCQ2212C			Bảo			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122120111	DƯƠNG ĐĂNG	22/06/2004	CCQ2212D			Đặng			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121120085	NGUYỄN THỊ	08/09/2003	CCQ2112C			Thị			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2122120104	NGUYỄN TƯỜNG	14/09/2004	CCQ2212C			Tường			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121120132	NGUYỄN NỮ TƯỜNG VY	09/11/2003	CCQ2112D			<i>Vy</i>			8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2122120125	TRẦN HOÀNG NHƯ Ý	27/09/2004	CCQ2212D			<i>Như Ý</i>			6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 03**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120051	LÝ QUỲNH	ANH	04/02/2004	CCQ2212B		Anh			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122120027	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	13/11/2004	CCQ2212A		Anh			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122120012	LÊ NHẬT TRÚC	ÂN	20/10/2004	CCQ2212A						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122120046	LÊ THỊ HỒNG	CÚC	13/12/2004	CCQ2212B		Hồng			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122120024	TẠ THỊ MỸ	DUYÊN	11/10/2003	CCQ2212A		Duyên			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122120019	HÀ THỊ MỸ	HANH	03/06/2001	CCQ2212A		Hanh			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122120065	TRẦN THỊ NHƯ	HẢO	08/03/2004	CCQ2212B		Như			8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122120007	NGUYỄN THỊ CẨM	HỒNG	28/05/2003	CCQ2212A		Hồng			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122120063	PHAN THỊ MỸ	HUỆ	02/08/2004	CCQ2212B		Mỹ Huệ			8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122120039	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	11/02/2004	CCQ2212B		Huyền			8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122120023	PHẠM VIỆT	KHANG	12/05/2002	CCQ2212A		Việt			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122120054	VÕ VĂN	KHÂM	03/03/2004	CCQ2212B		Khâm			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122120068	LƯU THỊ TRÚC	LÊ	09/06/2004	CCQ2212B		Trúc			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122120018	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	29/01/2004	CCQ2212A		Cẩm Ly			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122120031	HOÀNG ĐÌNH	MÃN	22/06/2001	CCQ2212A		Mãn			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122120479	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	27/10/2004	CCQ2212B		Trà			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122120030	TRẦN THỊ KIỀU	MY	29/02/2004	CCQ2212A		Kiều			8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122120013	VÕ THỊ DIỄM	MY	16/07/2004	CCQ2212A		Diễm			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122120041	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	NGA	22/12/2004	CCQ2212B		Nguyệt			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122120032	TRẦN THỊ THÚY	NGA	14/02/2004	CCQ2212A		Thúy Nga			7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 03**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viễn chấm thi 1	G.Viễn chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120011	HOÀNG THỊ CẨM NGÂN	09/12/2003	CCQ2212A			<i>Hoàng Cẩm Ngân</i>			7,5		
22	2122120066	TRẦN THỊ BÍCH NGÂN	28/07/2004	CCQ2212B			<i>Trần Bích Ngân</i>			7,5		
23	2122120478	VÕ NGUYỄN BẢO NGỌC	12/10/2004	CCQ2212A			<i>Võ Nguyễn Bảo Ngọc</i>			7,0		
24	2122120050	NGUYỄN THỊ NHÀN	14/10/2004	CCQ2212B			<i>Nguyễn Thị Nhàn</i>			7,5		
25	2122120035	NGUYỄN ÁNH NHI	01/04/2004	CCQ2212A			<i>Nguyễn Ánh Nhi</i>			7,5		
26	2122120058	ĐẶNG QUỲNH NHƯ	21/01/2004	CCQ2212B			<i>Đặng Quỳnh Như</i>			8,0		
27	2122120056	LÊ THỊ THÙY NHƯ	17/08/2004	CCQ2212B			<i>Lê Thị Thùy Như</i>			7,0		
28	2122120052	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	10/10/2004	CCQ2212B			<i>Nguyễn Thị Quỳnh Như</i>			8,0		
29	2122120061	ĐINH NGUYỄN YẾN NI	13/04/2004	CCQ2212B			<i>Đinh Nguyễn Yến Ni</i>			8,0		
30	2122120064	ĐOÀN THỊ KIM OANH	06/05/2004	CCQ2212B			<i>Đoàn Thị Kim Oanh</i>			8,5		
31	2122120009	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	24/07/2003	CCQ2212A			<i>Nguyễn Thị Hồng Phúc</i>			8,0		
32	2121050046	NGUYỄN MINH QUỐC	04/06/2001	CCQ2112R			<i>Nguyễn Minh Quốc</i>			8,0		
33	2122120014	NGUYỄN PHÚ QUỐC	26/01/2004	CCQ2212A			<i>Nguyễn Phú Quốc</i>			7,0		
34	2122120067	HỒ THỊ NHƯ QUỲNH	11/06/2004	CCQ2212B			<i>Hồ Thị Như Quỳnh</i>			6,5		
35	2122120017	VÕ NHƯ QUỲNH	06/09/2003	CCQ2212A			<i>Võ Như Quỳnh</i>			8,0		
36	2122120060	HOÀNG THỊ THU	16/04/2004	CCQ2212B			<i>Hoàng Thị Thu</i>			8,0		
37	2122120033	ĐỖ QUANG THUẬN	12/02/2004	CCQ2212A			<i>Đỗ Quang Thuận</i>			7,5		
38	2122120040	HUỲNH THỊ DIỄM THÚY	01/03/2004	CCQ2212B			<i>Huỳnh Thị Diễm Thúy</i>			7,5		
39	2122120408	PHẠM MINH THƯ	12/05/2004	CCQ2212L			<i>Phạm Minh Thư</i>			8,0		
40	2122120045	LÊ THỊ LAN THƯƠNG	02/01/2004	CCQ2212B			<i>Lê Thị Lan Thương</i>			7,5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 03**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122120029	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	04/05/1999	CCQ2212A					7,5		
42	2122120480	NGUYỄN THỊ HUYỀN	THƯƠNG	17/03/2004	CCQ2212B					8,0		
43	2122120059	ĐẶNG THỊ NGỌC	TRÂM	13/10/2003	CCQ2212B					7,5		
44	2122120038	TRẦN THỊ QUẾ	TRÂM	11/06/2004	CCQ2212B					8,0		
45	2122120043	NGUYỄN LÊ TUYẾT	TRINH	07/11/2003	CCQ2212B					6,5		
46	2122120053	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	21/06/2004	CCQ2212B					8,0		
47	2122120008	DƯƠNG QUỐC	TÚ	13/04/2002	CCQ2212A					7,5		
48	2122120044	CAO THỊ MỸ	UYẾN	03/01/2003	CCQ2212B							
49	2122120020	PHẠM NGỌC TÚ	VĂN	11/04/2004	CCQ2212A							
50	2122120021	NGUYỄN THỊ KIỀU	VY	04/04/2004	CCQ2212A					7,0		
51	2122120016	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	25/08/2004	CCQ2212A					8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 04**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120483	NGUYỄN THỊ HOÀI	ANH	02/02/2004	CCQ2212D							
2	2122120080	NGUYỄN THỊ BẢO	CHÂU	10/01/2004	CCQ2212C							
3	2122120098	PHẠM THỊ MỸ	CHUNG	31/07/2004	CCQ2212C		<i>bach ha</i>			7,5		
4	2122120484	NGUYỄN ĐỨC	DUY	20/02/2004	CCQ2212D		<i>Chung</i>			7,0		
5	2121120327	LÊ GIA	HÂN	01/10/2003	CCQ2112J		<i>Duy</i>			7,0		
6	2122120135	LÊ MINH	HẬU	02/04/2004	CCQ2212D		<i>Hân</i>			7,5		
7	2122120083	LÊ VĂN	HÙNG	07/11/2000	CCQ2212C		<i>Minh</i>					
8	2122120123	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	25/04/2004	CCQ2212D		<i>Van</i>			7,0		
9	2122130081	NGUYỄN NGỌC KHOA	KHAI	09/03/2004	CCQ2212D		<i>Khánh</i>			7,5		
10	2122120126	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	08/11/2004	CCQ2212D		<i>Khoa</i>			7,0		
11	2121120264	NGUYỄN VĂN	LỢI	02/10/2002	CCQ2112H							
12	2122120085	TRẦN LÂM KHÁNH	LY	05/12/2004	CCQ2212C		<i>Lai</i>			8,5		
13	2122120110	TRƯƠNG MỸ ÚT	LY	28/06/2004	CCQ2212D							
14	2122120094	PHẠM THỊ TRÀ	MY	30/04/2004	CCQ2212C		<i>Ly</i>			7,0		
15	2122120093	NGÔ MINH	NGUYỄN	01/01/2004	CCQ2212C		<i>Uy</i>			7,5		
16	2122120108	NGUYỄN BẢO HẠNH	NHÂN	03/01/2002	CCQ2212D		<i>My</i>			7,5		
17	2122120077	HOÀNG Ý	NHI	26/10/2004	CCQ2212C		<i>Hanh</i>			5,0		
18	2122120073	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	10/10/2004	CCQ2212C		<i>Phu</i>			8,0		
19	2122120086	PHẠM QUỲNH	NHƯ	13/09/2004	CCQ2212C		<i>Nhi</i>			6,0		
20	2122120482	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	03/06/2003	CCQ2212C		<i>Nhu</i>			7,5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 04**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120084	TRƯƠNG THỤC PHƯƠNG	19/05/2004	CCQ2212C			<i>Phuong</i>			7.0		
22	2122120074	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	22/10/2004	CCQ2212C			<i>Mun</i>			6.0		
23	2122120072	TRẦN THỊ HỒNG	30/08/2004	CCQ2212C			<i>Hong</i>			6.0		
24	2122120106	HỒ THỊ THANH	17/02/2004	CCQ2212D			<i>Thanh</i>			7.0		
25	2122120092	DƯƠNG VĂN THẮNG	08/08/2003	CCQ2212C			<i>thang</i>			7.0		
26	2122120082	BÌNH TỬ THIÊN	06/02/2004	CCQ2212C			<i>Thien</i>			6.0		
27	2121120233	TRƯƠNG THỊ MỸ	15/09/2003	CCQ2112G								
28	2122120481	VÕ THỊ KIM	19/11/2003	CCQ2212C			<i>Kim</i>			7.0		
29	2122120128	LÊ THỊ THÚY	12/11/2003	CCQ2212D			<i>Thuy</i>			7.0		
30	2122120129	NGUYỄN NGỌC THƯ	13/06/2004	CCQ2212D			<i>Thu</i>			8.0		
31	2122120116	PHẠM VÕ MINH	27/12/2004	CCQ2212D			<i>Minh</i>			6.5		
32	2121120243	LƯƠNG VĂN TỐT	28/04/2003	CCQ2112G								
33	2122120002	VÕ THỊ KIỀU	16/11/2003	CCQ2212D			<i>Kieu</i>			8.0		
34	2122120122	NGUYỄN VÕ KHÁ	19/11/2004	CCQ2212D			<i>Khá</i>			6.0		
35	2122120088	TỔNG THỊ NHƯ	27/02/2004	CCQ2212C			<i>Nhu</i>			7.0		
36	2122120105	NGUYỄN THỊ TUYẾT	17/12/2003	CCQ2212C			<i>Tuyet</i>			7.5		
37	2122120090	NGUYỄN THỊ HỒNG	18/10/2004	CCQ2212C			<i>Hong</i>			7.0		
38	2122120095	NGUYỄN TRANG THẢO	04/02/2004	CCQ2212C			<i>Thao</i>			7.0		
39	2122120134	LÊ PHAN ĐIỂM	01/12/2003	CCQ2212D			<i>Diem</i>			6.0		
40	2121120260	NGUYỄN PHƯƠNG YÊN	31/07/2003	CCQ2112H			<i>Yen</i>			7.5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 04**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122120091	VŨ NGOC YẾN	15/10/2004	CCQ2212C						7,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 05**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120487	TRẦN NGỌC PHÚ AN	18/10/2004	CCQ2212E							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122120143	LÊ KIỀU NGUYỆT ANH	18/11/2004	CCQ2212E						7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122120155	DIỆP NGỌC ÁNH	03/10/2004	CCQ2212E						7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122120168	ĐOÀN THỊ HẢI ÂU	15/07/2004	CCQ2212E							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122120176	VÕ HOÀNG GIA BẢO	31/07/2004	CCQ2212F						7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122120156	DIỆP TẤN BỒN	16/03/2004	CCQ2212E						7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122120196	NGUYỄN THỊ KIM CHI	15/09/2003	CCQ2212F						7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122120573	TRẦN THỊ KIM CHI	20/09/2003	CCQ2212E							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122120194	VÕ THỊ BÍCH CHI	08/11/2004	CCQ2212F							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122120100	PHẠM THANH DẦN	01/01/2003	CCQ2212C							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122120191	ĐẶNG THỊ MỸ DUYÊN	23/10/2004	CCQ2212F						6.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122120181	HUỖNH THỊ MỸ DUYÊN	01/11/2004	CCQ2212F						7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122120188	VÕ MINH ĐIẾP	14/02/2004	CCQ2212F						8.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122120493	TRƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	04/02/2002	CCQ2212F							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122120140	HUỖNH THỊ THÙY GIANG	06/07/2004	CCQ2212E						7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122120147	TRẦN THỊ HỒNG GIANG	11/08/2004	CCQ2212E						7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122120164	VÕ THỊ TRƯỜNG GIANG	02/02/2004	CCQ2212E						8.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122120171	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	07/06/2004	CCQ2212E						6.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122120097	PHẠM THỊ THANH HẰNG	07/10/2004	CCQ2212C						8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122120192	TRẦN THỊ BÍCH HẰNG	28/09/2004	CCQ2212F						8.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 05**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120147	TRẦN THỊ NGỌC	HÀNG	10/04/2002	CCQ2112E		Hàng					
22	2122120160	ĐỖ THỊ MỸ	HÒA	16/09/2004	CCQ2212E							
23	2122120184	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	25/08/2003	CCQ2212F		Hoàng			6,5		
24	2122120141	LÊ THỊ KIM	HỒNG	04/06/2004	CCQ2212E		Hồng			7,5		
25	2122120203	NGUYỄN MINH	HÙNG	04/06/2004	CCQ2212F		Hùng			6,5		
26	2122120157	VÕ NGUYỄN HOÀNG	HUY	08/02/2004	CCQ2212E							
27	2121120061	MAI LÊ	HUYỀN	16/10/2003	CCQ2112B					8,0		
28	2122120193	NGUYỄN NHẬT	KHAI	23/03/2004	CCQ2212F		Khai			7,5		
29	2121120145	ĐẶNG THỊ THÚY	KIỀU	11/01/2003	CCQ2112E		Kieu			9,5		
30	2122120153	NGÔ THỊ KIM	LAN	17/11/2004	CCQ2212E		Lan			7,0		
31	2122120163	LÊ THỊ MỸ	LÊ	07/12/2003	CCQ2212E		Le			6,5		
32	2121120394	VÕ THỊ MỸ	LÊ	15/06/2003	CCQ2112L		Le			8,0		
33	2122120174	NGUYỄN HOÀNG	LIÊM	22/01/2003	CCQ2212F		Liêm			6,5		
34	2122120441	BÙI THỊ MỸ	LINH	06/04/2004	CCQ2212F		Minh			7,5		
35	2122120145	HÀ MỸ	LINH	02/03/2004	CCQ2212E		Minh			7,0		
36	2121120548	NGUYỄN TRẦN THẢO	LINH	13/12/2003	CCQ2112P		Thao			8,0		
37	2122120186	TRƯƠNG HOÀNG TÚ	LINH	20/11/2004	CCQ2212F		Thao			8,0		
38	2122120173	NGUYỄN THỊ MỸ	LOAN	12/06/2004	CCQ2212F		Loan			6,5		
39	2122120202	LÊ THỊ CẨM	LY	19/12/2004	CCQ2212F		Cam			8,0		
40	2122120170	NGUYỄN THỊ NGỌC	LÝ	03/10/2004	CCQ2212E		Ly			8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 05**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122120486	TRƯƠNG THỊ THẢO	MY	17/11/2004	CCQ2212E						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2122120034	CHĂM LÝ	NA	18/11/2003	CCQ2212A		Nas			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2122120151	NGUYỄN THỊ KIM	NGA	12/01/2004	CCQ2212E		Kim			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2122120179	MAI THỊ	NGÃI	03/07/2004	CCQ2212F		Ngai			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2122120197	ĐỖ NGUYỄN THANH	NGÂN	28/11/2004	CCQ2212F		Ngan			7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2121120133	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	30/04/2003	CCQ2112D		Ngoc			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2122120154	BÙI THỊ MINH	NGUYỆT	20/03/2004	CCQ2212E		Nguyet			6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2122120158	ĐÌNH NGUYỄN TÂN	NHẬT	30/03/2004	CCQ2212E						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2122120149	PHAN NGUYỄN KIỀU	NHI	05/07/2004	CCQ2212E		Kieu			6.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2121120048	VÕ THỊ MỸ	NHI	11/11/2003	CCQ2112B		My			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2122120150	PHAN THỊ MỸ	NHIÊN	08/03/2003	CCQ2212E		Nhien			7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2121120209	TÔ PHƯƠNG	NHUNG	24/06/2003	CCQ2112F		Nhung			6.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2122120165	LÂM TÂM	NHƯ	21/12/2004	CCQ2212E		Nhu			7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	2121120310	NGUYỄN THỊ YẾN	PHÚC	17/05/2003	CCQ2112I		Yen			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	2122120187	NGUYỄN THỊ HỒNG	SOAN	29/04/2004	CCQ2212F		Hong			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	2121120152	TRẦN VĂN	TÀI	17/09/2003	CCQ2112E		Tai			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	2122120201	LÊ NHỰT	THÀNH	11/09/2004	CCQ2212F		Nhut			7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	2122120490	ĐÌNH THỊ	THẢO	25/07/2003	CCQ2212E		Thao			7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	2121120100	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	14/10/2003	CCQ2112C		Thanh			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	2122120485	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	17/05/2003	CCQ2212E		Phuoc			7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 05**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2122120148	PHAN THỊ MỸ	THƠ	13/02/2004	CCQ2212E		thơ			7,0		
62	2121120112	NGUYỄN THỊ MỸ	THUẬN	29/07/2003	CCQ2112D		thuan			8,0		
63	2122120185	UNG THỊ KIM	THÙY	12/06/2004	CCQ2212F		thuy			7,0		
64	2122120491	ĐẶNG THỊ BÍCH	THUY	03/10/2004	CCQ2212E		thuy					
65	2121120120	LÊ THỊ BÍCH	THÚY	10/08/2002	CCQ2112D		thuy			6,5		
66	2122120178	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÚY	04/12/2003	CCQ2212F							
67	2121120174	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	23/10/2003	CCQ2112E		thư					
68	2122120195	QUÁCH HOÀI	THƯƠNG	08/07/2003	CCQ2212F							
69	2122120200	NGÔ HỮU	TIẾN	09/09/2004	CCQ2212F							
70	2122120142	NGUYỄN TRẦN	TIẾN	15/03/2003	CCQ2212E							
71	2122120133	LÊ THỊ THÙY	TRANG	14/08/2003	CCQ2212D							
72	2122120489	NGUYỄN THỊ THUỖ	TRÂM	29/09/2004	CCQ2212E		thuy			8,0		
73	2122120109	CAO NGỌC PHƯƠNG	TRINH	23/08/2004	CCQ2212D		phuong			7,0		
74	2121120151	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	21/08/2002	CCQ2112E		thanh			8,5		
75	2122120146	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	08/01/2004	CCQ2212E		kim			6,0		
76	2122120494	ĐOÀN NGỌC	TƯƠI	21/04/2004	CCQ2212F							
77	2122120492	NGUYỄN TƯỜNG	VI	22/02/2004	CCQ2212F		vi			6,5		
78	2122120172	ĐẶNG NGUYỄN THÚY	VY	06/03/2004	CCQ2212F		thuy			7,5		
79	2122120131	ĐỖ THỊ THẢO	VY	06/05/2004	CCQ2212D							
80	2122120189	KIỀU PHAN THÙY	VY	28/10/2004	CCQ2212F							

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Từ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2122120495	LÊ HẢI VY	25/04/2004	CCQ2212F						7,0		
82	2122120175	PHAN THỊ LAN	30/09/2004	CCQ2212F						7,5		
83	2122120036	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	27/12/2004	CCQ2212E						6,5		
84	2122120177	ĐÀO THỊ HOÀNG	27/08/2004	CCQ2212F						8,2		
85	2121120115	HỒ THỊ MỸ	07/11/2003	CCQ2112D						9,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 06**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120103	CAO THỊ LAN	23/09/2004	CCQ2212C			Anh			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122120208	LÊ VĂN KHOA	31/12/2003	CCQ2212G			Bao			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122120224	NÔNG THỊ THANH	19/09/2003	CCQ2212G			Binh			5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122120269	HUỖNH THỊ KIM	01/11/2003	CCQ2212H			Kim			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122120247	NGUYỄN KIM	05/12/2003	CCQ2212H			Kim			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122120216	NGUYỄN THỊ KIM	05/09/2004	CCQ2212G			Kim			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122120229	NGUYỄN MINH	02/02/2003	CCQ2212G							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122120138	TRỊNH CÔNG	29/04/2001	CCQ2212D			Cuong			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122120272	TRẦN THỊ NHẬT	17/11/2004	CCQ2212H			Diem			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122120211	NGUYỄN THỊ XUÂN	26/06/2004	CCQ2212G			Diem			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122120204	HỒ VĂN	17/10/2004	CCQ2212G			Ly			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122120206	PHẠM MINH	04/09/2003	CCQ2212G							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122120264	VÕ THỊ THU	19/07/2004	CCQ2212H			Giang			4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122120267	NGUYỄN VĂN	01/01/2004	CCQ2212H			Giang			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122120496	GIANG HỒNG	16/11/2004	CCQ2212G			Ha			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121120280	NGUYỄN THỊ BÍCH	08/09/2003	CCQ2112H			Ha			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122120245	ĐÌNH THỊ	06/10/2003	CCQ2212H			Hai			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121120211	NGUYỄN THỊ THU	22/02/2003	CCQ2112G			Thi			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122120228	PHAN THANH	12/11/2004	CCQ2212G			Thi			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122120136	TRƯƠNG THỊ NGỌC	28/10/2004	CCQ2212D			Thi			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 06**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120266	TRƯƠNG VĂN HIẾU	27/03/2004	CCQ2212H			<i>Hiếu</i>			6,5	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
22	2122120075	LÊ THỊ MINH	05/02/2004	CCQ2212C			<i>Minh</i>			8,5	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
23	2122120378	DƯƠNG THỊ HỒNG	11/08/2004	CCQ2212L			<i>Hồng</i>			7,5	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
24	2122120237	NGUYỄN THỊ THANH	16/07/2004	CCQ2212G			<i>Thanh</i>			7	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
25	2121120222	DƯƠNG THỊ HUỆ	28/02/2003	CCQ2112G			<i>Huệ</i>			8,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
26	2121120238	VÕ THỊ NGỌC	18/04/2003	CCQ2112G			<i>Ngọc</i>			10	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
27	2121120274	NGUYỄN THỊ MỸ	18/04/2001	CCQ2112H			<i>Mỹ</i>			9,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
28	2122120209	PHẠM THỊ THU	15/07/2004	CCQ2212G			<i>Thu</i>			8,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
29	2122120252	TRẦN MẠNH	20/03/1998	CCQ2212H			<i>Mạnh</i>			8,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
30	2121120256	VÕ VĂN TUẤN	02/08/2002	CCQ2112H			<i>Tuấn</i>			9,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
31	2122120221	HOÀNG THỊ THÚY	26/08/2004	CCQ2212G			<i>Thúy</i>			8,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
32	2122120227	NGUYỄN THỊ THỊ	07/06/2003	CCQ2212G			<i>Thị</i>			8,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
33	2121120524	NGUYỄN THỊ BẠCH	06/09/2003	CCQ2112O			<i>Bạch</i>			8,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
34	2122120248	TRẦN THỊ	16/03/2004	CCQ2212H			<i>Thị</i>			6,5	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
35	2122120256	NGÔ THỊ DIỆU	24/11/2004	CCQ2212H			<i>Diệu</i>			7,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
36	2122120215	NGUYỄN THỊ MỸ	21/08/2004	CCQ2212G			<i>Mỹ</i>			9,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
37	2122120205	HUYỀN MỸ	16/05/2004	CCQ2212G			<i>Mỹ</i>			8,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
38	2122120244	TRẦN THỊ THẢO	26/07/2004	CCQ2212H			<i>Thảo</i>			6,5	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
39	2122120233	NGUYỄN THỊ	21/09/2004	CCQ2212G			<i>Thị</i>				Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿
40	2122120251	LƯƠNG THẢO	02/04/2002	CCQ2212H			<i>Thảo</i>			8,0	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ Ⓔ Ⓕ Ⓖ Ⓗ Ⓙ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 06**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122120271	ĐÀNG THỊ MY	03/08/2003	CCQ2212H			Nhu			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2122120255	ĐỖ THỊ BÍCH	03/07/2004	CCQ2212H							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2122120120	NGUYỄN THỊ QUỲNH	24/12/2003	CCQ2212D			Nhân			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2122120254	NGUYỄN THÙY	24/04/2004	CCQ2212H			Nhân			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2122120329	TỔNG THÀNH	21/09/2004	CCQ2212E							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2121120227	NGÔ THỊ	10/03/2003	CCQ2112G			Nhân			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2122120323	NGUYỄN THÀNH	06/12/2003	CCQ2212J			Nhân			9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2122120213	NGUYỄN LÊ TÂM	25/11/2004	CCQ2212G			Tamati			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2122120246	NGUYỄN THỊ Ý	12/12/2004	CCQ2212H							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2122120263	HÀ THỊ TUYẾT	06/02/2004	CCQ2212H			Nhung			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2122120220	NGUYỄN PHƯƠNG	17/12/2004	CCQ2212G			Nhung			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2122120139	TRẦN HOÀNG	28/03/2004	CCQ2212D			Nhân			6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2122120232	HỒ THANH	01/09/2003	CCQ2212G			Phúc			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	2122120235	NGUYỄN PHẠM THIÊN	28/01/2003	CCQ2212G			Nhân			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	2121120219	NGÔ PHẠM THANH	06/09/2002	CCQ2112G			Nhân				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	2122120285	PHÙNG VINH	19/05/2000	CCQ2212I							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	2122120241	ĐỖ THỊ	28/01/2004	CCQ2212H			Quỳnh			6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	2122120558	PHẠM NGỌC NHƯ	29/07/2004	CCQ2212P			Quỳnh			6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	2122120249	NGÔ VĂN	17/12/2004	CCQ2212H			Tài			5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	2122120207	TRẦN NGUYỄN NGỌC	01/11/2004	CCQ2212G			Tamati			5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 06**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D. QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2122120440	BÙI THỊ KIM THANH	19/06/2003	CCQ2212F			Thanh			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	2122120081	TRẦN THANH	29/11/2004	CCQ2212C			Thanh			6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	2122120240	HOÀNG THỊ THU	08/11/2004	CCQ2212H			Thu			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	2122120212	NGUYỄN THỊ THANH	02/01/2004	CCQ2212G			Thanh			9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	2122120364	HỒ NGỌC	23/07/2004	CCQ2212K			Ngọc			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	2122120230	PHẠM KIM	27/08/2004	CCQ2212G			Tai			5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	2122120218	NGUYỄN PHƯƠNG	05/04/2004	CCQ2212G			Phuong			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	2122120225	NGUYỄN THỊ MINH	28/06/2004	CCQ2212G			Minh			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	2122120253	NGUYỄN THỊ THANH	23/10/2004	CCQ2212H			Thanh			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	2122120222	DIỆP BẢO	15/02/2004	CCQ2212G			Bao			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	2121120237	NGUYỄN NGỌC UYÊN	02/03/2003	CCQ2112G			Uyen			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	2122120497	NGUYỄN THỊ THUỶ	25/10/2004	CCQ2212G			Thuy				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	2122120499	NGUYỄN THỊ THUỶ	03/10/2004	CCQ2212H			Thuy				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	2121120250	LÊ NGỌC BẢO	26/03/2003	CCQ2112H			Bao			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	2121120247	NGUYỄN NGỌC QUẾ	03/06/2003	CCQ2112H			Quet				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	2122120239	PHAN THỊ DIỄM	07/04/2004	CCQ2212H			Diem			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	2122120402	NGUYỄN NGỌC	29/04/2004	CCQ2212L			Ngoc				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	2122120258	NGUYỄN THỊ KIM	05/02/2004	CCQ2212H			Kim			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	2122120231	NGUYỄN THỊ THANH	16/05/2004	CCQ2212G			Thanh			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	2122120265	TRẦN THỊ THANH	14/06/2004	CCQ2212H			Thanh			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 06**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2122120242	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	28/09/2004	CCQ2212H						7.0		
82	2121120226	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	13/11/2003	CCQ2112G						7.0		
83	2122120270	NGUYỄN LÊ TƯỜNG VÂN	15/09/2002	CCQ2212H						6.5		
84	2121120278	NGUYỄN THÀNH VINH	24/10/2003	CCQ2112H						8.5		
85	2122120257	VÕ NGUYỄN CÁT VY	07/01/2004	CCQ2212H						7.0		
86	2122120219	NGUYỄN LÊ THANH XUÂN	24/01/2004	CCQ2212G						8.0		
87	2121120265	NGÔ THỊ HẢI YẾN	28/06/2003	CCQ2112H								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 07**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120311	LÊ QUÝ AN	23/09/2004	CCQ2212J			<i>An</i>			7.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122120406	NGUYỄN PHẠM XUÂN AN	22/05/2004	CCQ2212L			<i>An</i>			6.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122120503	TRẦN TÙNG AN	04/08/2003	CCQ2212J			<i>An</i>			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122120569	ĐẶNG THỦY ANH	21/06/2003	CCQ2212P			<i>Anh</i>			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121120323	NGUYỄN THỊ LAN ANH	02/03/2003	CCQ2112J							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122120502	PHẠM TUẤN ANH	13/06/2004	CCQ2212J							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122120382	TRẦN NHƯ NGỌC ANH	09/02/2003	CCQ2212L			<i>Anh</i>			7.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122120316	NGUYỄN GIA BẢO	04/08/2004	CCQ2212J			<i>Bao</i>			8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122120397	ĐẶNG THANH BÌNH	21/06/2003	CCQ2212L			<i>Binh</i>			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122120383	TRẦN THỊ Y BÌNH	17/06/2002	CCQ2212L			<i>Binh</i>			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122120294	CHẾ CÔNG CHIẾN	19/02/2004	CCQ2212I						7.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122120302	VŨ HOÀNG CHUÔNG	28/01/2004	CCQ2212I			<i>Chuong</i>			6.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122120346	BÙI VĂN CÔNG	12/02/2000	CCQ2212K							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122120274	PHẠM VĂN CƯỜNG	06/06/2002	CCQ2212I							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122120395	LÊ THỊ THÚY DIỄM	01/01/2001	CCQ2212L			<i>Thuy</i>			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121120284	NGUYỄN THỊ THANH DIỆP	28/07/2003	CCQ2112I			<i>Thuy</i>			9.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122120296	TRẦN THỊ THANH DIỆU	26/08/2004	CCQ2212I			<i>Thuy</i>			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122120379	ĐINH THỊ THÚY DUNG	19/01/2004	CCQ2212L			<i>Dung</i>			8.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122120333	TRẦN ANH DŨNG	16/07/2000	CCQ2212J			<i>Dung</i>			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122120280	HUỖNH HẢI ĐĂNG	06/05/2004	CCQ2212I			<i>Dung</i>			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 07**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120309	HUYỀN THỊ MỸ	ĐOAN	16/05/2003	CCQ2212J					7,5		
22	2122120301	LÊ THỊ THU	GIANG	28/05/2004	CCQ2212I					7,5		
23	2122120313	TRẦN THỊ	GIANG	25/08/2004	CCQ2212J					7,5		
24	2122120337	LÊ THỊ	HÀ	25/01/2004	CCQ2212J					7,5		
25	2122120279	NGUYỄN LÊ THANH	HÀ	09/03/2004	CCQ2212I					8,0		
26	2122120377	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	18/08/2004	CCQ2212L					8,5		
27	2122120334	NGUYỄN KHẮC	HẢI	22/05/2004	CCQ2212J					9,0		
28	2122120275	NGUYỄN NHỰT	HÀO	19/03/2002	CCQ2212I					7,8		
29	2122120500	VĂN THỊ THUỶ	HẰNG	03/09/2003	CCQ2212I					7,5		
30	2122120563	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	12/08/2003	CCQ2212P					8,5		
31	2122120310	ĐÀO THỊ MINH	HIẾU	23/11/2004	CCQ2212J					8,0		
32	2122120570	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	09/07/2003	CCQ2212P							
33	2122120300	TRẦN THỊ THU	HUỆ	12/08/2004	CCQ2212I					8,0		
34	2121120297	LÊ ĐỨC GIA	HUY	16/07/2003	CCQ2112I					8,0		
35	2122120534	HUYỀN THỊ	HƯƠNG	01/08/2004	CCQ2212O					8,0		
36	2122120321	LỮ THỊ	HƯƠNG	02/10/2003	CCQ2212J					8,2		
37	2122120299	NGUYỄN VŨ	KHÔI	13/01/2004	CCQ2212I					7,8		
38	2122120312	NGUYỄN ĐẲNG XUÂN	LAN	22/10/2004	CCQ2212J					7,5		
39	2122120297	NGUYỄN HÀ	LINH	13/04/2004	CCQ2212I					8,0		
40	2122120504	NGUYỄN NGỌC THUỶ	LINH	27/09/2004	CCQ2212K							

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 07**
CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121120109	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	22/08/2003	CCQ2112D			<i>Linh</i>			8,0		
42	2122120303	DƯƠNG HIỀN	06/10/2004	CCQ2212I			<i>Mai</i>			8,5		
43	2121120337	HOÀNG NHẬT	10/12/2000	CCQ2112J			<i>Nhật</i>			8,0		
44	2122120405	NGUYỄN HOÀI	27/04/2004	CCQ2212L								
45	2122120347	PHẠM THỊ	03/10/2004	CCQ2212K			<i>Mơ</i>			7,9		
46	2122120308	CAO VĂN HOÀI	12/11/2001	CCQ2212J			<i>Mai</i>			8,0		
47	2122120287	BÙI THANH	19/01/2004	CCQ2212I			<i>Thanh</i>			7,8		
48	2121120296	ĐẶNG PHƯƠNG	07/03/2003	CCQ2112I			<i>Ng</i>			8,0		
49	2122120304	NGUYỄN THỊ KHÁNH	17/01/2004	CCQ2212I								
50	2122120293	NGUYỄN THỊ MINH	02/09/2004	CCQ2212I			<i>Minh</i>			8,0		
51	2122120357	DƯ THỊ HOÀNG	06/03/2004	CCQ2212K			<i>Ngoc</i>			7,8		
52	2122120354	ĐỖ MAI	16/09/2004	CCQ2212K								
53	2121120328	LÊ THỊ KIM	10/09/2003	CCQ2112J								
54	2122120318	NGUYỄN VĂN	21/09/2003	CCQ2212J			<i>Nhân</i>			7,8		
55	2122120336	LÊ THỊ QUỲNH	12/06/2004	CCQ2212J								
56	2121120326	VÕ TRẦN TÚ	25/05/2003	CCQ2112J			<i>Nhi</i>			8,2		
57	2122120568	ĐÀO TRÚC	03/05/2004	CCQ2212P			<i>Nhau</i>			8,0		
58	2122120298	NGUYỄN ÁNH	16/04/2004	CCQ2212I			<i>Ni</i>			7,5		
59	2122120307	ĐỖ THỊ KIM	06/07/2004	CCQ2212I			<i>Kim</i>			7,5		
60	2122120286	DƯƠNG THANH	30/07/2004	CCQ2212I			<i>Phat</i>			8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 07**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Ph.	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2122120349	TRẦN HOÀNG PHI	07/09/2003	CCQ2212K							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	2122120290	NGUYỄN THỊ LỆ	14/08/2004	CCQ2212I			Nguyễn			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	2121120301	NGUYỄN THỊ TÚ	29/10/2003	CCQ2112I			Nguyễn			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	2122120398	TRẦN THỊ TÚ	29/08/2004	CCQ2212L			Nguyễn			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	2122120501	VÕ THỊ THU	13/02/2004	CCQ2212I						7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	2122120388	NGUYỄN THỊ THANH	05/09/2004	CCQ2212L							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	2122120328	KIỀU THỊ NHƯ	23/01/2004	CCQ2212J			Nguyễn			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	2122120325	TRẦN ĐỨC	20/04/2004	CCQ2212J			Son			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	2122120332	HUỖNH THỊ	20/08/2004	CCQ2212J							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	2122120305	LÊ THỊ MINH	08/04/2003	CCQ2212I			Thu			9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	2122120317	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	03/09/2004	CCQ2212J			Thanh			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	2122120291	ĐÀO LÊ	25/01/2004	CCQ2212I			Đào Lê			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	2122120338	HUỖNH NGỌC	30/10/2004	CCQ2212J			Huỳnh			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	2122120384	PHẠM ANH	24/11/2004	CCQ2212L			Thơ			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	2122120400	NGUYỄN THỊ ANH	05/12/2004	CCQ2212L			John			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	2122120367	HOÀNG THỊ	02/02/2004	CCQ2212K			Thị			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	2122120409	NGUYỄN THỊ BẢO	20/01/2004	CCQ2212L			Thy			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	2122120278	ĐOÀN THỊ THÚY	09/01/2004	CCQ2212I			Tracy			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	2122120587	BÙI TRẦN HUỖNH	15/04/2003	CCQ2212P			Tracy			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	2122120042	NGUYỄN THỊ THÚY	06/05/2004	CCQ2212B			Tracy			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 07**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2122120281	PHẠM THÚY TRANG	10/10/2004	CCQ2212I			Trang			8,5		
82	2122120319	TRẦN THỊ MỸ TRINH	29/04/2004	CCQ2212J			Trinh			8,5		
83	2122120386	VÕ THỊ TÚ TRINH	13/01/2004	CCQ2212L			Trinh			8,0		
84	2122120322	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	18/06/2002	CCQ2212J								
85	2121120330	HỒ QUỐC TUẤN	30/03/2001	CCQ2112J								
86	2122120289	NGÔ LÊ QUỐC TUẤN	06/01/2003	CCQ2212I			tuấn			8,5		
87	2121120150	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	01/01/2003	CCQ2112E			Ng S			7,0		
88	2122120363	HỒ BÙI TỔ UYÊN	28/08/2003	CCQ2212K			Uyên			8,0		
89	2121120307	ĐỖ LÊ HÙNG VĨ	15/04/2003	CCQ2112I			Long			8,2		
90	2122120344	TRẦN THỊ NGỌC VIÊN	13/02/2003	CCQ2212K			viên			8,2		
91	2122120324	NGUYỄN XUÂN VIỆT	29/06/2003	CCQ2212J			Việt			8,5		
92	2121120320	LÊ THẾ VINH	01/08/2003	CCQ2112J			Vinh			8,2		
93	2122120283	NGUYỄN HIẾU VINH	21/10/2004	CCQ2212I			Vinh			8,3		
94	2122120330	LÊ HOÀNG VĨNH	04/10/2004	CCQ2212J			Vinh			7,8		
95	2122120335	LÊ NGỌC KIỀU VY	07/12/2004	CCQ2212J			Ki			7,8		
96	2122120340	NGUYỄN THỊ TRIỆU VY	11/09/2004	CCQ2212J			Vy			7,6		
97	2122120277	TRẦN THỊ THẢO VY	30/08/2004	CCQ2212I			Vy			7,7		
98	2122120314	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	17/12/2003	CCQ2212J			Xuân			7,8		
99	2122120345	NGUYỄN QUỲNH YẾN	18/05/2004	CCQ2212K			Yen			8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 08**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120559	TRẦN KỲ	ANH	25/04/2004	CCQ2212P		Anh			8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122120544	TRẦN THỊ TRÚC	ANH	10/02/2004	CCQ2212O		Anh			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122120571	LÊ KIM	BÍCH	03/10/2004	CCQ2212P		Kim			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121120625	PHẠM THỊ NGỌC	CHÂU	30/07/2003	CCQ2112R		Chau			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121120205	ĐỖ VŨ HOÀNG	GIANG	10/04/2003	CCQ2112F		Longang			9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122120375	HÀ TRẦN QUỐC	HUY	02/09/2004	CCQ2212K		Huy			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122120370	TRỊNH THỊ	HƯỜNG	21/01/2004	CCQ2212K						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121120315	TRIỆU THỊ KIM	LINH	03/01/2003	CCQ2112I		Lucy			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122120342	LÊ THỊ HƯƠNG	LOAN	27/08/2004	CCQ2212K		Loan			7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122120374	PHẠM BÙI TRÚC	LY	10/06/2004	CCQ2212K		Ly			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122120407	HUỖNH THỊ ĐIỂM	MY	02/01/2004	CCQ2212L						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121120177	LÊ HOÀNG	MY	05/04/2003	CCQ2112F		My			8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122120348	LÊ THỊ THU	NGÂN	30/09/2004	CCQ2212K		Ngan			7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122120361	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	26/01/2004	CCQ2212K		Nhu			7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122120399	BÙI THỊ MỸ	NHI	18/03/2004	CCQ2212L		Nhi			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122120380	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	21/09/2003	CCQ2212L						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122120331	PHAN THỊ NHƯ	QUỲNH	03/03/2004	CCQ2212J		Phuoc			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122120396	TRƯƠNG VĂN	SUM	17/12/2004	CCQ2212L						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122120262	CAO THỊ PHƯƠNG	THẢO	26/03/2004	CCQ2212H		Thao			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122120392	ĐĂNG THỊ	THẢO	02/11/2004	CCQ2212L		Thao			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng : 004249

Trang : 2/2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 08**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120371	ĐỖ NGUYỄN NGỌC THIỆN	08/07/2004	CCQ2212K			Huân			8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122120394	VÕ THỊ HUỖNH THƯƠNG	27/10/2004	CCQ2212L			Thương			8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121120348	TRƯƠNG THỊ KIM TIẾN	23/01/2003	CCQ2112J							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122120572	NGUYỄN HỒNG TRANG	05/05/2004	CCQ2212P			Trang			8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2121120344	VÕ THỊ KIM TUYẾN	14/05/2003	CCQ2112J							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2122120351	NGUYỄN NỮ THU UYÊN	24/02/2004	CCQ2212K			Quynh			8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2122120368	TRƯƠNG HUỖNH ÁI VY	14/07/2004	CCQ2212K							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 09**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120427	ĐỖ THỊ MỸ DUYỀN	20/10/2004	CCQ2212LA			Duyên			7,5		
2	2122120432	HOÀNG MINH ĐỨC	07/11/2003	CCQ2212LA			Đức			7,5		
3	2122260122	NGUYỄN LÊ HÀ GIANG	19/12/2004	CCQ2212LA			Giang			7,5		
4	2122120439	NGUYỄN VĂN GIÁP	28/07/2004	CCQ2212LA			Giáp			7,5		
5	2122120438	NÔNG QUANG HÀNH	19/07/2002	CCQ2212LA			Hành			7,5		
6	2122120430	LÊ VĂN HÙNG	21/09/2004	CCQ2212LA			Hùng			9,0		
7	2122120428	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	13/07/2004	CCQ2212LA			Huyền			8,0		
8	2122120555	BIỆN TRẦN KHÁNH LINH	09/04/2004	CCQ2212LA			Linh			8,0		
9	2122120556	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG LINH	03/01/2004	CCQ2212LA			Linh			.		
10	2122270031	THẠCH THẢO MY	09/09/2004	CCQ2212LA			My			7,0		
11	2122120434	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	15/06/2004	CCQ2212LA			Bích Ngọc			7,5		
12	2122120543	ĐẶNG THỊ MINH NGUYỆT	28/02/2004	CCQ2212LA			Nguyệt			7,5		
13	2122120436	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	26/05/2004	CCQ2212LA			Như			8,5		
14	2122120477	TRẦN QUỲNH NHƯ	08/06/2004	CCQ2212LA			Như			8,0		
15	2122120433	LỘC THANH	09/07/2001	CCQ2212LA			Thanh			6,0		
16	2122120554	TRỊNH VĂN THÀNH	25/03/2004	CCQ2212LA			Thành			8,0		
17	2122120437	VŨ THỊ HOÀI THU	06/03/2004	CCQ2212LA			Thu			7,5		
18	2122120124	VŨ THỊ HOÀNG TRANG	17/10/2004	CCQ2212LA			Trang			8,0		
19	2122120431	NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	25/01/2004	CCQ2212LA			Uyên			8,0		
20	2122120429	TRỊNH PHƯỚC VĨ	29/03/2004	CCQ2212LA			Vĩ			8,5		

Trang : 2/2

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120426	NGUYỄN THỊ THÚY VY	04/07/2004	CCQ2212LA						8,5	          	      

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 10**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120565	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	AN	09/01/2004	CCQ2212P							
2	2122120527	TRỊNH BỘI	ANH	19/12/2004	CCQ2212O		Anh			9.0		
3	2122120579	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	05/09/2004	CCQ2212P		Anh			8.0		
4	2122120471	HUỖNH THỊ HỒNG	DIÊU	04/01/2004	CCQ2212N		Hồng			8.0		
5	2122120326	ĐẶNG QUỐC	DUY	19/04/2004	CCQ2212J		Duy			6.0		
6	2122170124	PHAN VĂN	ĐÀM	07/07/2004	CCQ2212M							
7	2122120359	ĐẶNG VĂN	ĐẠT	16/02/2004	CCQ2212K		Đạt			7.5		
8	2122120576	VŨ TIẾN	ĐẠT	24/09/2003	CCQ2212P		Hạt			8.0		
9	2122120461	TRẦN MAI HẢI	ĐĂNG	15/07/2004	CCQ2212N							
10	2122170076	NGUYỄN NHẬT	HÀO	10/02/2004	CCQ2212N		Hào			7.5		
11	2122120458	NGUYỄN THỊ MỸ	HÀNG	17/05/2004	CCQ2212N		Hàng			8.5		
12	2122120423	HỒ THỊ THẢO	HIỀN	18/12/2004	CCQ2212M		Huê			8.5		
13	2121120473	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	16/11/2003	CCQ2112N		Hiền			8.0		
14	2122120462	VI THỊ	HIỀN	10/01/2004	CCQ2212N		Hiền			7.5		
15	2121120188	PHAN NGUYỄN NGỌC	HIỂU	14/09/2003	CCQ2112F		Hiệu			7.5		
16	2122120451	TRƯƠNG VIỆT	HOÀNG	14/04/2004	CCQ2212M		Hoàng			8.5		
17	2122120102	LÊ VĂN	HÙNG	26/02/2001	CCQ2212C							
18	2122120574	HỒ HOÀNG	HUY	24/09/2003	CCQ2212P							
19	2122120548	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	25/01/2004	CCQ2212O		Huyền			7.5		
20	2122120514	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	06/02/2004	CCQ2212N		Huyền			9.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 10

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120452	NÔNG THỊ NGỌC	HUYỀN	23/05/2004	CCQ2212M		Huyền			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122120459	LÊ THỊ NGỌC	HƯƠNG	13/07/2004	CCQ2212N		Huơng				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122120509	ĐỖ DUY	KHANG	20/08/2004	CCQ2212M		Duoi			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122120420	VŨ NGỌC THANH	LAN	12/08/2003	CCQ2212M		Lan			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122120532	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	22/10/2004	CCQ2212O		Linh			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122120528	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	10/01/2004	CCQ2212O		Khánh			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122120468	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	06/02/2004	CCQ2212N		Loan			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122120549	LƯU GIA	LỢI	26/11/2004	CCQ2212O		Loi			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121120594	PHAN NHẬT	MINH	04/03/2003	CCQ2112M		Minh			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122190038	LÂM YẾN	MY	31/03/2004	CCQ2212N		Yen			9.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122110088	TRẦN THỊ	NGA	14/06/2003	CCQ2212N		Nga			9.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122120567	LÊ THỊ KIỀU	NGÂN	20/02/2004	CCQ2212P		Kieu			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122120564	NGUYỄN THANH	NGÂN	12/07/2004	CCQ2212P		Ngan			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122120536	NGUYỄN THỊ	NGÂN	20/12/2003	CCQ2212O		Ngan			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122120457	TRẦN NGUYỄN TRÚC	NGÂN	21/04/2004	CCQ2212N		Truc			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122120521	ĐẶNG NGỌC BẢO	NGHI	03/12/2002	CCQ2212O		Bao			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122120530	NGUYỄN TRẦN NHƯ	NGHĨA	25/10/2004	CCQ2212O		Nghia			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122120460	QUÁCH HỒNG	NGHĨA	21/06/2004	CCQ2212N		Hong			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122120445	NGUYỄN THỊ MỸ	NGỌC	19/10/2004	CCQ2212M		My			7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121120511	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	12/12/2003	CCQ2112O		Nguyet			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 10**
CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122120447	HUỖNH NGỌC NHI	29/07/2004	CCQ2212M			Nhi			8,5		
42	2122120545	LÊ THỊ XUÂN	22/11/2004	CCQ2212O			Nhi			8,5		
43	2122120268	PHAN HUỖNH NHI	25/08/2002	CCQ2212H			Nhi			8,5		
44	2122120449	LÊ THỊ NHUNG	25/12/2004	CCQ2212M			Nhung			7,0		
45	2122120465	NGUYỄN THỊ NHUNG	17/07/2004	CCQ2212N			Nhung			8,0		
46	2122120566	TRẦN MINH NHỰT	07/11/2004	CCQ2212P			Nhut			8,0		
47	2122120454	LƯƠNG THỊ KIM OANH	26/11/2004	CCQ2212M			Oanh					
48	2122120455	NGUYỄN ĐỖ HỮU PHÚ	10/08/2004	CCQ2212M			Phu					
49	2122170005	CAO VĂN PHÚC	06/09/2000	CCQ2212N			Phu			8,0		
50	2122270106	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	17/01/2004	CCQ2212N			Phu			8,0		
51	2122120510	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	19/06/2004	CCQ2212M			Phu			8,0		
52	2122120444	TRƯƠNG NGỌC LINH QUY	15/07/2004	CCQ2212M			Quy			8,5		
53	2122120537	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG QUYÊN	20/10/2004	CCQ2212O			Quy			5,0		
54	2122120524	NGUYỄN THỊ QUYÊN	10/11/2004	CCQ2212O			Quy					
55	2122120425	NGUYỄN TUYỀN QUYÊN	28/08/2004	CCQ2212M			Quy			7,0		
56	2122120511	LÊ THỊ ÁI QUỲNH	19/09/2004	CCQ2212N			Quy			7,0		
57	2122120526	TRẦN VI NHƯ QUỲNH	10/09/2004	CCQ2212O			Quy			7,5		
58	2122120557	VÕ THỊ THU QUỲNH	08/04/2004	CCQ2212P			Quy					
59	2121120470	NGUYỄN TRỌNG SANG	07/09/2003	CCQ2112N			Sang			9,0		
0	2122120561	LÊ ANH TÀI	18/07/2004	CCQ2212O			Tai			6,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 10**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2122120560	PHAM NGOC	TÀI	24/04/2004	CCQ2212P					6,0		
62	2122120414	HOÀNG VĂN	TÂM	19/08/2004	CCQ2212M					7,5		
63	2122120456	LÊ TÀI	TÂM	01/07/2004	CCQ2212N					7,5		
64	2122120546	VÕ THỊ MỸ	TÂM	24/08/2004	CCQ2212O					6,5		
65	2122120517	NGUYỄN MINH	TÂN	02/09/2003	CCQ2212N					6,0		
66	2121120165	HUỖNH QUỐC	THÁI	14/06/2003	CCQ2112E					8,5		
67	2122120412	PHAN ĐÌNH	THANH	02/09/2004	CCQ2212M							
68	2122120541	TRANG THU	THẢO	02/06/2003	CCQ2212O					5,0		
69	2122120522	TRẦN PHÚC	THẢO	14/07/2004	CCQ2212O					5,0		
70	2122120473	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	04/10/2004	CCQ2212N					8,5		
71	2122120582	VĂN NGỌC	THIỆN	04/01/2004	CCQ2212P					7,5		
72	2122120443	LÝ THỊ ANH	THOM	01/01/2004	CCQ2212M					7,0		
73	2122260013	NGUYỄN PHẠM NHƯ	THÚY	02/06/2004	CCQ2212M					7,0		
74	2122120539	NGUYỄN THỊ BÍCH	THUYỀN	04/04/2004	CCQ2212O					7,0		
75	2122120533	LÊ THỊ MINH	THƯ	22/11/2004	CCQ2212O					6,5		
76	2122120540	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	29/04/2004	CCQ2212O					6,5		
77	2122120467	LÊ PHI CÔNG	THỨC	06/06/2004	CCQ2212N							
78	2122120450	NGUYỄN DUY	THỨC	31/10/2003	CCQ2212M					8,0		
79	2122100234	VŨ THỊ	THƯƠNG	03/07/2004	CCQ2212M					8,0		
80	2122120523	NGUYỄN NGỌC THÚY	TIẾN	26/03/2004	CCQ2212O					7,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp (226250) - Nhóm 10

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2122170157	PHẠM PHÁT TIẾN	01/01/2004	CCQ2212M								
82	2122120416	PHẠM QUỐC TOÀN	03/12/2004	CCQ2212M						7.0		
83	2122120515	HỒ THỊ MỸ	28/12/2004	CCQ2212N						7.0		
84	2122120463	NGUYỄN THỊ NGỌC	09/11/2003	CCQ2212N						6.5		
85	2122120424	PHẠM NGỌC TRÂM	08/01/2004	CCQ2212M						7.5		
86	2122120421	ĐỖ THANH TRÚC	18/06/2003	CCQ2212M						7.0		
87	2122120575	PHẠM VĂN TRƯỜNG	27/04/2004	CCQ2212P						8.0		
88	2122120562	NGUYỄN MINH TÚ	23/11/2004	CCQ2212O						9.0		
89	2122120389	CAO THỊ MỸ TUYẾN	08/09/2004	CCQ2212L						6.5		
90	2122120542	NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	08/03/2004	CCQ2212O						8.5		
91	2122120531	NGUYỄN THỊ TÙNG VÂN	05/12/2004	CCQ2212O						8.0		
92	2122120475	NGUYỄN THẨM VIÊN	15/02/2004	CCQ2212N						7.5		
93	2121120556	ĐẶNG THỊ NHƯ Ý	03/12/2003	CCQ2112P								
94	2122120466	LÊ HUỲNH NHƯ Ý	17/02/2004	CCQ2212N								
95	2122120418	PHẠM LÊ NHƯ Ý	30/04/2004	CCQ2212M						7.0		
96	2122260095	TÔ THỊ NGỌC YẾN	24/04/2004	CCQ2212M						7.0		